

Số: 213/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc mới ban hành
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội**

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo
Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp
hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả
thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc: Ban Tín dụng người nghèo, Ban Pháp chế
NHCSXH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục giải quyết công việc
(TTGQCV) mới ban hành cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của
NHCSXH (*Danh mục các thủ tục được công bố tại Phần A và nội dung cụ thể
của từng thủ tục tại Phần B ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2016.

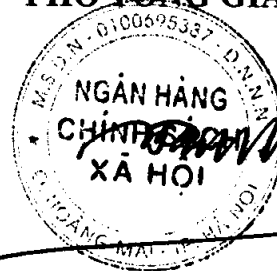
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Pháp chế và các Ban chuyên
môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Giám đốc: Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công

nghe thông tin, Sở giao dịch và Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /fl

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp (b/cáo);
- Tổng Giám đốc (b/cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGD, KTT;
- Ban HTQT&TT: đăng trên Website NHCSXH;
- TTCNTT: truyền Fastnet cho CN tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TDNN, PC./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Hải

**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC MỚI BAN HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-NHCS ngày 25 /01/2016
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

Phần A

DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

SỐ TT	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với người lao động độc thân vay vốn đến 50 triệu đồng để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)	
2	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.	<i>Như trên</i>	<i>Như trên</i>	
3	Thủ tục phê duyệt cho hộ gia đình vay vốn đến 50 triệu đồng để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.	<i>Như trên</i>	<i>Như trên</i>	
4	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.	<i>Như trên</i>	<i>Như trên</i>	

AL

Phần B

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-NHCS ngày 25 / 01 /2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

1. Thủ tục phê duyệt cho vay đối với người lao động độc thân vay vốn đến 50 triệu đồng để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người vay:

- Viết Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 01/XK61) nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có).

- Gửi Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/XK61) có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn và phê duyệt trên Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (mẫu số 01/XK61);

- Cùng với người vay lập Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61).

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai:

Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 01/XK61): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH): 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Kết quả thực hiện:

Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (mẫu số 01/XK61).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; Người có công với cách mạng bao gồm:

(i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;

(ii) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

- (iii) Liệt sĩ;
- (iv) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- (v) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- (vi) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- (vii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- (viii) Bệnh binh;
- (ix) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- (x) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- (xi) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- (xii) Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;
- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người vay:

- Viết Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 01/XK61) nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

- Gửi Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/XK61) có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;

- Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay, cùng người vay lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61);

- Trình lãnh đạo phê duyệt trên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/XK61), ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61).

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai:

+ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 01/XK61): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH): 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

+ Hồ sơ đảm bảo tiền vay: 02 bản (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Kết quả thực hiện:

Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (mẫu số 01/XK61);

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương được UBND cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; Người có công với cách mạng bao gồm:

(i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;

(ii) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

(iii) Liệt sĩ;

(iv) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- (v) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- (vi) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- (vii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- (viii) Bệnh binh;
- (ix) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- (x) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- (xi) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- (xii) Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;
- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;
- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

3. Thủ tục phê duyệt cho hộ gia đình vay vốn đến 50 triệu đồng để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ vay vốn:

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.

- Viết Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XK61), kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn, nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có);

- Gửi Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XK61) có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn sau khi đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay.

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai:

+ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XK61): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Ban quản lý Tổ TK&VV:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (mẫu số 10C/TD): 02 bản (01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH): 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (mẫu số 02/XK61);

- Sổ vay vốn

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người vay là tổ viên Tổ TK&VV;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ;

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; Người có công với cách mạng bao gồm:

- (i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;
- (ii) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- (iii) Liệt sĩ;
- (iv) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- (v) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- (vi) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- (vii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- (viii) Bệnh binh;
- (ix) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- (x) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- (xi) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- (xii) Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Có hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;
- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

4. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

a) Trình tự thực hiện:

Viết Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XK61), kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn, nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có) và gửi Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XK61) có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;
- Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay, cùng người vay lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61);
- Trình lãnh đạo phê duyệt trên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/XK61), ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61).

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai:
 - + Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 01/XK61): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);
 - Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:
 - + Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH): 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);
 - + Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);
 - + Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);
 - + Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).
 - + Hồ sơ đảm bảo tiền vay: 02 bản (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Kết quả thực hiện:

Hợp đồng Tín dụng (*mẫu số 04/XK61*) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*mẫu số 02/XK61*)

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; Người có công với cách mạng bao gồm:

(i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;

(ii) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

(iii) Liệt sĩ;

(iv) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

(v) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

(vi) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

(vii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

(viii) Bệnh binh;

(ix) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

(x) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

(xi) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;

(xii) Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Có hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**
(Áp dụng đối với người vay là người độc thân)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc:Giới tính:

Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân) số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Công an.....

Nơi cư trú: Thôn.....Xã.....Huyện.....

.....Tỉnh.....Điện thoại.....

Thuộc đối tượng: Hộ cận nghèo , Thân nhân người có công với cách mạng

Tôi có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng số

tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày/...../.....với

doanh nghiệp/tổ chức sự nghiệp/ chủ sử dụng lao động, địa chỉ

.....trong thời hạn.....tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng.

(Bằng chữ:

Thời hạn vay:tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (ước tính)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Ông/bà:

Thuộc diện hộ cận nghèo (nếu có), hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị vay vốn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của của ông (bà):
Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền cho vay:.....đồng, (Bằng chữ:.....
.....), bằng nguồn vốn:.....
2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng.
4. Định kỳ hạn trả nợ gốc:.....tháng/lần, số tiền.....triệu đồng/lần.
5. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
6. Lãi tiền vay được trả định kỳ, vào ngày
7. Hình thức bảo đảm tiền vay: (nếu có)
 Cầm cố tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....
 Thế chấp tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....
 Bảo đảm bằng tài sản bảo lãnh theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(TỔ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**
(Áp dụng đối với người vay thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc:Giới tính:

Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân) số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Công an.....

Là chủ hộ/người đại diện cho hộ gia đình cư trú tại: Thôn.....

Xã..... Huyện..... Tỉnh.....

Tôi đề nghị vay vốn cho ông/bà:.....là thành viên của

hộ gia đình. Năm sinh:.....Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn

cước công dân) số:.....Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:

Quan hệ với chủ hộ/người đại diện hộ gia đình :.....

Thuộc đối tượng: Hộ cận nghèo , Thân nhân người có công với cách mạng

Đề đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh

thổ ký ngày .../...../.....với doanh nghiệp/ tổ chức sự

nghiệp/ chủ sử dụng lao động), địa chỉ

.....trong thời hạn.....tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:))

Thời hạn vay:tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

....., ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị vay vốn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Các ông/bà:

hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của ông/bà....., Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền cho vay:đồng, (Bằng chữ:.....), bằng nguồn vốn:
2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng.
4. Định kỳ hạn trả nợ gốc:.....tháng/lần, số tiền.....triệu đồng/lần.
5. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
6. Lãi tiền vay được trả định kỳ, vào ngày
7. Hình thức bảo đảm tiền vay: (nếu có)
 - Cầm cố tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....
 - Thế chấp tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....
 - Bảo đảm bằng tài sản bảo lãnh theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(**TỔ trưởng**) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG**Thoả thuận về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 45/2015 /TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ văn bản số:...../NHCS-TDNN ngày...../...../2015 về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Căn cứ Hợp đồng ký kết giữa ông/bà..... với Doanh nghiệp.....đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, số.....ngày...../...../.....

Hôm nay, ngày...../...../.....Tại:.....chúng tôi cùng nhau thỏa thuận, thống nhất về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ tiền vay (gốc, lãi) cho NHCSXH, với thành phần và nội dung cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA**1. Ngân hàng Chính sách xã hội:.....**

Địa chỉ: Số ĐT:.....

Người đại diện là ông (bà):: Chức vụ:.....

Giấy ủy quyền số (nếu có):Ngày...../...../.....do ông (bà)

.....chức vụ ủy quyền.

2. Doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:Số ĐT.....

Người đại diện là ông (bà): Chức vụ:.....

CMND số: ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy ủy quyền số (nếu có):ngày...../...../..... do ông
(bà)chức vụ..... ủy quyền
Số tài khoản:.....Tại ngân hàng.....

3. Người lao động

Ông (bà):..... Sinh ngày:...../...../.....
CMND số: ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:
Địa chỉ cư trú: Thôn.....Xã:.....Huyện:.....Tỉnh:.....
Địa chỉ thường trú: Thôn.....Xã:.....Huyện:.....Tỉnh:.....
Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài: số....., ngày...../...../.....

II. NỘI DUNG THỎA THUẬN

1. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay có trách nhiệm mở cho người vay 01 tài khoản tiền gửi không kỳ hạn (đối với trường hợp người vay chưa có tài khoản tiền gửi mở tại NHCSXH nơi cho vay) để Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH.

2. Người lao động đồng ý cho Doanh nghiệp được quyền trích tiền lương theo định kỳ tháng/lần để trả nợ tiền vay (gốc, lãi) cho NHCSXH, cụ thể:

- Loại tiền tệ: VNĐ (Việt Nam đồng).

- Số tiền trích mỗi kỳ:.....đồng, (Bằng chữ.....)

- Định kỳtháng/lần, Doanh nghiệp có trách nhiệm trích đúng, trích đủ số tiền nêu trên của người lao động để chuyển vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn đứng tên người vay là:.....số tài khoản:.....mở tại NHCSXH.....

3. Đến kỳ hạn thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn, NHCSXH nơi cho vay được quyền trích tài khoản tiền gửi của người vay để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

4. Các bên cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Những nội dung không đề cập trong Hợp đồng này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH và các quy định hiện hành của pháp luật. Khi xảy ra tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng thương lượng, các bên sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi NHCSXH đóng trụ sở.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện./.

Người lao động
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
Doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện
NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/HĐTD

(Áp dụng đối với người vay theo phương thức cho vay trực tiếp)

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ văn bản số:...../NHCS-TDNN ngày...../...../2015 về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Căn cứ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) đưa người đi làm việc ở nước ngoài và nhu cầu vay vốn của người lao động.

Hôm nay, ngày/...../....., tại Ngân hàng Chính sách xã hội....., chúng tôi gồm:

- **BÊN CHO VAY** (sau đây gọi là Bên A):

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH):

Địa chỉ:Số ĐT:

Người đại diện:Chức vụ:

Văn bản ủy quyền (nếu có), số..... ngày...../...../.....do ông (bà):.....

.....chức vụ:..... ủy quyền.

- **BÊN VAY** (sau đây gọi là Bên B):

Họ và tên người vay:Sinh ngày/...../.....

CMND số: Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp.....

Cư trú tại: Thôn.....xã.....

.....huyện.....tỉnh.....

Hộ khẩu thường trú: Thôn.....xã.....

.....huyện.....tỉnh.....

Hai bên thỏa thuận và thống nhất về việc vay vốn để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài với các điều, khoản sau:

Điều 1. Nội dung

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng
(Bằng chữ:)

2. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/..../.....

3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ tháng

- Lãi suất quá hạn:..... %/tháng

- Tiền lãi trả theo:

4. Định kỳ hạn trả nợ gốc: tháng/lần vào ngày:.....

Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ gốc, người vay chưa trả được nợ thì được theo dõi trả vào kỳ hạn tiếp theo.

5. Việc theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ, chuyển nợ quá hạn, gia hạn nợ được theo dõi bằng Phụ lục hợp đồng đính kèm hợp đồng.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bằng tiền mặt trực tiếp cho người vay: đồng

2. Bằng chuyển khoản: đồng vào tài khoản số tại Ngân hàng..... tên chủ tài khoản..... tên đơn vị thụ hưởng.....

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

Tiền vay được sử dụng để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài của người lao động theo Hợp đồng sốngày/...../

Điều 4. Thu nợ gốc, thu lãi

1. Đối với trường hợp người vay trả nợ bằng tiền lương của người lao động thông qua Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Bên A được quyền tự động trích tài khoản tiền gửi của Bên B để thu nợ gốc, thu lãi theo Hợp đồng thỏa thuận về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay ký ngày/...../..... giữa Doanh nghiệp, NHCSXH và người lao động.

2. Đối với lao động vay vốn thông qua hộ gia đình: Việc thu nợ, thu lãi do người vay trực tiếp trả nợ tại Trụ sở NHCSXH hoặc tại Điểm giao dịch xã vào ngày giao dịch theo lịch cố định hoặc trả nợ bằng hình thức chuyển khoản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

a) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.

b) Chuyển nợ quá hạn, thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn không đúng mục đích.

c) Được xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của Bên B (nếu có) theo quy định của Pháp luật để thu hồi nợ khi bên B vi phạm Hợp đồng tín dụng.

d) Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

e) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng tín dụng này.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Phát đủ số tiền vay theo quy định. Tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế và thời gian sử dụng, không nhập lãi vào gốc.

c) Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên vay.

d) Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên vay trước khi đến hạn 30 ngày.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

a) Trả nợ trước hạn và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b) Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này và hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài của Tổng Giám đốc NHCSXH.

b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích xin vay. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng này.

c) Không được chuyển nhượng tài sản bảo đảm cho khoản vay (nếu có) khi chưa trả hết nợ vay .

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay.

Điều 8. Hợp đồng và phụ lục hợp đồng đính kèm có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của hợp đồng này và phụ lục hợp đồng đính kèm. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải, thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án nơi NHCSXH đóng trụ sở.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY XÁC NHẬN
THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

1. Thông tin về thân nhân người có công với cách mạng

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:...../...../..... Giới tính:.....

Nơi đăng ký thường trú:

Quan hệ với người có công với cách mạng (1):.....

2. Thông tin về người có công với cách mạng

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:...../...../..... Giới tính:.....

Thuộc diện người có công với cách mạng (2):.....

Số hồ sơ:

Nơi đăng ký thường trú (nếu có):

**Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền (4)**Ông/bà:.....
Là thân nhân người có
công với cách mạng.**Thủ trưởng đơn vị**
(Họ và tên, ký, đóng dấu)

....., ngày...tháng...năm...

**Xác nhận của người có công
với cách mạng**(Chữ ký, họ và tên)
(3)

..., ngày...tháng...năm...

Người đề nghị xác nhận
(Chữ ký, họ và tên)**Ghi chú:**

(1) Ghi quan hệ người đề nghị xác nhận với người có công với cách mạng: cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

(2) Ghi rõ loại đối tượng người có công với cách mạng.

(3) Mục này không áp dụng đối với liệt sĩ, người có công với cách mạng đã tử trận.

(4) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền:

Trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công xác nhận người có công với cách mạng do Trung tâm quản lý.

Đơn vị quân đội, công an có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận người có công với cách mạng do đơn vị quân đội, công an quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người có công với cách mạng đối với những trường hợp còn lại đang thường trú tại xã.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ VAY VỐN

1. Bên cho vay cấp Sổ vay vốn miễn phí cho hộ gia đình vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Sổ này thay thế Khế ước nhận nợ. Sổ được dùng lâu dài, khi hết số trang trên Sổ được Ngân hàng đổi Sổ mới.
2. Mỗi lần giao dịch với Ngân hàng, người vay mang Sổ đến điểm giao dịch Ngân hàng tại xã hoặc trụ sở Ngân hàng nơi cấp Sổ.
3. Mỗi lần giao dịch, hộ vay và Ngân hàng đối chiếu số liệu khớp đúng giữa Sổ lưu tại hộ vay và Sổ lưu tại Ngân hàng.
4. Sổ này chỉ có tác dụng giao dịch với chi nhánh Ngân hàng nơi cấp Sổ. Chỉ có người đứng tên người vay trong Sổ, đứng chữ ký hoặc điểm chỉ mới được nhận tiền vay.
5. Khi Sổ bị thất lạc, phải thông báo ngay cho Ngân hàng nơi cấp Sổ xem xét cấp Sổ mới.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES
VBSFP



SỔ VAY VỐN

(Dùng cho hộ gia đình)

Mã khách hàng:.....

Họ và tên người vay:.....
Tên thường gọi:.....
Địa chỉ:.....
Ngân hàng nơi giao dịch:
.....

HỘ VAY TRẢ NỢ GÓC TRỰC TIẾP CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TẠI ĐIỂM GIAO DỊCH HOẶC TRỤ SỞ NHCSXH NƠI CHO VAY

Handwritten signature

1. Số vay vốn là giấy nhận nợ của hộ gia đình do người đại diện hộ gia đình đứng tên ký nhận nợ vay NHCSXH (gọi là người vay)

2. Quyền và nghĩa vụ của NHCSXH

2.1. Bên cho vay có quyền:

- a. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của hộ vay.
- b. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích.
- c. Có quyền định đoạt tài sản hình thành từ vốn vay trong những trường hợp sau:
 - Người vay có tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ;
 - Không có chủ thể kế thừa nghĩa vụ của hộ vay;
 - Xảy ra bất kỳ sự kiện pháp lý nào giải phóng người vay khỏi nghĩa vụ cam kết trong Số vay vốn.
 - d. Gia hạn nợ gốc, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn theo quy định của NHCSXH.

2.2. Bên cho vay có nghĩa vụ:

- a. Thực hiện đúng cam kết thoả thuận trong Số vay vốn.
- b. Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của hộ vay

3.1. Hộ vay có quyền:

- a. Từ chối yêu cầu của Bên cho vay không đúng với các thoả thuận trong Số vay vốn.
- b. Trả nợ trước hạn.
- c. Khiếu nại, khởi kiện nếu Bên cho vay vi phạm nội dung trong Số vay vốn theo quy định của pháp luật.

3.2. Hộ vay có nghĩa vụ:

- a. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Chấp hành đúng các quy định cho vay của NHCSXH.
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong Số vay vốn.
- c. Thực hiện trả nợ gốc trực tiếp cho NHCSXH tại điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay.
- d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ.

SỐ VAY VỐN

(Khách hàng lưu giữ)

Ảnh
(trường hợp
hộ vay
không có
chứng minh
thư)

1. Họ và tên người vay:.....
 Dân tộc:..... Giới tính:.....
 Sinh ngày.....tháng.....năm:.....
 CMND số:.....; Ngày cấp: /..... /.....;
 Nơi cấp:.....

Nơi cư trú: thôn (ấp)....., xã (phường, T.trấn)
huyện (quận).....tỉnh (T.phó).....

2. Nghề nghiệp chính của người vay vốn:.....
 3. Số nhân khẩu trong hộ:..... người; trong đó, số lao động:.....người.
 4. Số vay vốn - Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo nội dung đã ghi trong Sổ vay vốn này.

NGƯỜI VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đi kèm chi)

TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG)
TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN TRONG HỘ GIA ĐÌNH
TẠI THỜI ĐIỂM LẬP SỔ VAY VỐN
(Từ 18 tuổi trở lên)**

2. Những thay đổi khác

-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-

STT	Họ và tên	Quan hệ với người vay	Ký tên

PHẢN GHI BỎ SUGNG HÀNG NĂM KHI CÓ THAY ĐỔI

1. Thay đổi ngành nghề, mở rộng sản xuất, dịch vụ đời sống